

QUÁ TRÌNH ĐẦU TƯ VÀ KHAI THÁC THUỘC ĐỊA VỀ CAO SU CỦA TƯ BẢN PHÁP Ở VIỆT NAM (1858-1945)

Nguyễn Thị Mộng Tuyền

I. LỜI MỞ ĐẦU:

Ngay từ những ngày đầu xâm lược Việt Nam, thực dân Pháp đã tìm cách mang cây cao su vào trồng ở nước ta song tuổi thọ của những cây cao su đầu tiên quá ngắn ngủi. Phải đợi đến 1897, được sĩ Raoul, sau khi đi công cán ở các thuộc địa Anh đã mang về vườn Thực Vật Sài Gòn 2.000 cây cao su thì việc trồng cao su mới được xem là chính thức bắt đầu ở Việt Nam.

Việc trồng cao su ở các vườn thí nghiệm đã mang lại kết quả khả quan. Bằng chứng là trong vườn thí nghiệm Nha Trang, trại thí nghiệm Thủ Dầu Một, nhà bác học Yersin đã cùng với kỹ sư nông nghiệp Vernet (người đã nghiên cứu nhiều về các vấn đề cao su) nêu lên những căn cứ khoa học cho cách trồng tỉa và phương pháp lấy mủ cao su. Sau đó, chính Yersin là người có tiếng nói quyết định trong việc kiến lập nền kỹ nghệ cao su ở Nam Kỳ.

Phát triển công trình nghiên cứu của Yersin, các nhà nông học Pháp đã đi đến kết luận là với những điều kiện đất đai, khí hậu ở miền Đông Nam Kỳ, cao su có thể phát triển một cách thuận lợi. Nắm lấy kết quả trên các nhà khoa học Pháp, giới tư bản Pháp đã nhanh chóng áp dụng ngay những thành quả đó vào việc kinh doanh cao su ở Đông Dương nói chung và Nam Kỳ nói riêng. Kể từ đó cao su gắn chặt đời mình với các vùng đất đỏ basalte ở Việt Nam. Và nếu tính từ 1897 đến nay thì cây cao su cũng đã hơn 100 tuổi. Trong khoảng thời gian đó, cùng với đất nước và con người Việt Nam, cây cao su cũng có nhiều thay đổi.

Kinh doanh cao su là vấn đề sinh tử của tư bản Pháp, do vậy họ cố bám riết lấy nó cho đến khi chấm dứt chiến tranh năm 1975.

II. NỘI DUNG:

1. Sơ lược về nguồn gốc cây cao su.

Cây cao su có nhiều giống loại. Cây cao su ở Việt Nam thuộc giống ưu việt nhất, có tên khoa học là *Havea Brasiliensis* nguồn gốc từ Brasila, nguyên thuộc địa của Bồ Đào Nha tại Châu Mỹ La tinh.

Năm 1743, trong chuyến du khảo đến những kinh vĩ tuyến ở Guyanes, hai Hải quân người Pháp là Fresnau F. và De la Condamine C. đã chú ý đến một loại cây có lá kép, mọc thành chùm tụ tán. Mủ cây trắng như sữa, khi đong lại có độ dính, độ mềm dẻo, độ đàn hồi rất cao. Thổ dân người Maina sống ở miền Nam sông Amazone thường dùng thứ mủ này để làm nhựa bẫy chim và nắn thành những vật dụng dùng hàng ngày như chén, thau, chậu, đồ chơi, tượng thần để thờ cúng... Những vật dụng này tương tự như những hiện vật tìm thấy trong nền văn hóa Maya của Châu Mỹ La tinh vào thế kỷ thứ XI.

Fresnau F. và De la Condamine C. vẽ hình cây này với đầy đủ chi tiết về hoa, lá, quả, hạt... và gửi về Pháp để giới thiệu với Viện hàn lâm khoa học. Đây là những hình ảnh và kiến thức đầu tiên về cây cao su. Phát hiện của hai nhà hàng hải Pháp được dư luận

xôn xao chú ý. Ít lâu sau, người ta đã biết dùng mủ cao su để chế tạo những loại vải không thấm nước. Năm 1846 Charles Goodyear và Thomas Hancock tìm ra phương pháp cao su lưu hóa. Năm 1890, hai anh em Michelin sáng chế ra cặp vỏ ruot xe bơm hơi. Từ đấy, kỹ nghệ chế biến cao su phát triển mạnh mẽ. Cây cao su trở thành một loại cây công nghiệp đứng hàng đầu, gắn liền với giấc mộng kinh doanh của các tập đoàn tư bản.

Fresnau F. và De la Condamine C. còn được gọi là hai ông “địa lý” phương Tây chuyên đi vẽ bản đồ hàng hải để phục vụ chiến lược thực dân của người da trắng. Từ những bản vẽ ban đầu của họ, cây cao su được mang đi trồng ở các vùng thuộc địa da đen, da vàng. Trong gần một thế kỷ, hình ảnh loài cây lá kép này trở thành mối thảm họa, gắn liền với kiếp sống lầm than nô lệ của người dân mất nước. Danh từ CAO SU có xuất xứ từ thổ âm xứ Peru là caa = cây và ochu = chảy ra, khóc. Cao su là tên một loài cây chảy nước mắt, cây biết khóc [11;6]

2. Cây cao su ở Việt Nam.

Năm 1858 thực dân Pháp nổ súng tấn công Đà Nẵng mở đầu công cuộc xâm lược Việt Nam. Ba năm sau, 1861, chúng chiếm Nam Kỳ. Đến năm 1884 với hiệp ước Patenôtre được ký kết giữa triều đình nhà Nguyễn với thực dân Pháp, đất nước ta trở thành một nước thuộc địa. Đánh chiếm Việt Nam làm thuộc địa, làm thị trường tiêu thụ hàng hóa, để khai thác tài nguyên... là “quốc sách” của nước Pháp lúc bấy giờ.

Trong chính sách khai thác thuộc địa ở Việt Nam, thực dân Pháp chú trọng nhiều đến ngành nông nghiệp. Họ chủ trương cướp đoạt ruộng đất trên cả ba miền đất nước ta để lập đồn điền trồng lúa và các loại cây công nghiệp dài ngày như chè, cà phê, cao su... , vì thế ruộng công làng xã, ruộng của nông dân khai khẩn bị chiếm đoạt dữ dội. Đặc biệt là các vùng đất màu mỡ được thiên nhiên ưu đãi ở Nam Kỳ. Đến năm 1912 số ruộng đất bị Pháp chiếm để lập đồn điền lên đến 470.000 hecta trong đó Nam Kỳ bị chiếm 308.000 hecta. [2;56]

Trong quá trình khai thác thuộc địa, Pháp sớm nhận ra rằng việc thu gom những sản phẩm nông nghiệp tuy có lợi nhuận ổn định nhưng không lớn. Vì lẽ đó chúng tăng cường khảo sát, điều tra, và đưa nhiều nhà nghiên cứu khoa học vào sống và làm việc lâu dài ở Việt Nam, nhằm nghiên cứu tài nguyên ở thuộc địa và đưa ra chiến lược khai thác lâu dài.

Đầu tiên là J. B. Louis Pierre, một nhà thực vật học người Pháp, đã khảo sát, điều tra và di nhập nhiều loại cây kinh tế vào nước ta, trong đó có cây cao su. Năm 1877, Ông thử nghiệm trồng hạt cao su đầu tiên ở vườn Bách Thảo Sài Gòn, nhưng không thành công. Nguyên do là hạt giống không nhiều và ít cây sống sót lại bị loại bỏ trong các đợt tu chỉnh vườn Bách Thảo Sài Gòn vì ảnh hưởng đến cảnh quang nơi đây.

Đến năm 1897, toàn quyền Paul Doumer thành lập hai trung tâm nghiên cứu thí nghiệm ươm giống cây cao su từ hạt tươi. Một ở *trạm thực nghiệm Ông Yếm* (Bến Cát – Thủ Dầu Một) do E. Raoul, một dược sĩ, chuyên nghiên cứu thực vật chí ở vùng nhiệt đới phụ trách, và một ở Suối Dầu, thuộc viện Pasteur Nha Trang do Dr. A. Yersin chăm sóc. Đa số hạt giống được ươm nảy mầm, tốt nhanh.

Sau đó cây cao su con và hạt cao su cũng đã được gửi đến trồng ở nhiều loại đất khác nhau, ở nhiều nơi như Gò Vấp, Thủ Đức, vườn thực nghiệm ở Huế, ở Tây Nguyên, và tận ngoài miền Bắc... nhưng đa phần cây được trồng đều bị chết vì trồng không đúng đất và khí hậu không thích hợp.

Năm 1904 là năm khởi đầu thông báo tin vui cho Pháp về cây cao su ở Việt Nam. Việc

trồng cây cao su trong các vườn thí nghiệm đều mang lại kết quả khả quan. Bằng chứng là trong vườn thí nghiệm ở Nha Trang, Dr. A. Yersin, nhà vi trùng học đã cùng với viên kỹ sư nông nghiệp kiêm kỹ sư hóa học G. Vernet (người đã nghiên cứu rất nhiều về các vấn đề cao su) nêu lên những căn cứ khoa học cho cách trồng tỉa và phương pháp lấy mủ cao su. Sau đó, *chính Yersin là người có tiếng nói quyết định trong việc kiến lập nền kỹ nghệ cao su ở Nam Kỳ.*

Phát triển công trình nghiên cứu của Yersin, các nhà nông học Pháp đã đi đến kết luận là với những điều kiện đất đai, khí hậu ở miền Đông của Nam Kỳ, cao su có thể phát triển một cách thuận lợi không kém ở vùng đồng bằng sông Amazone.

Nắm lấy kết quả trên của các nhà khoa học Pháp, giới tư bản Pháp đã nhanh chóng áp dụng ngay những thành quả đó vào việc kinh doanh cao su ở Đông Dương nói chung và ở Nam Kỳ nói riêng. Kể từ đó cao su đã gắn chặt đời mình với các vùng đất đỏ basalte ở Việt Nam.

Cao su là một loại cây chỉ thích hợp với những vùng đất phù sa cũ đất đỏ và xám, loại đất này ở Nam Bộ chạy dài thành một dải theo hướng Bắc Đông Bắc và Nam Đông Nam. Đó là đất sét nhưng dễ làm, rất ít chất đá vôi, thường có nhiều mùn và có một hàm lượng hữu cơ khá lớn. Đất không lẫn cuội và sỏi, ở độ sâu từ 15 đến 40 mét đất vẫn đồng chất. Ở vùng đất đỏ Đông Nam Kỳ, đất không bị cứng, hút nước mưa, không để cho nước chảy thành dòng và giữ được độ ẩm tốt. Các nhà khoa học Pháp đã phát hiện ở miền Đông của Nam Kỳ, diện tích đất đỏ tối thiểu là 200.000 hecta tạo thành một dải dài 200 km, rộng từ 2 đến 20 km.

Điều kiện tự nhiên kể trên làm cho cây cao su sớm có mặt và gắn bó với miền Đông của Nam Kỳ. Đặc biệt là ở Thủ Dầu Một, nơi diện tích cao su lớn gấp 3 lần diện tích trồng lúa nước.

3. Hoạt động đầu tư và khai thác cao su của thực dân Pháp (1858-1945)

Để thu những món lời khổng lồ từ việc kinh doanh cao su, tư bản Pháp đã tìm mọi cách chiếm đoạt những vùng đất đai tốt nhất. Nhiều nghị định về đất đai của chính quyền thuộc địa được ban hành nhằm hợp thức hóa việc chiếm đoạt ruộng đất của họ. Các nghị định này có đặc điểm là luôn bổ sung cho nhau, đồng thời các nghị định sau bao giờ cũng nhằm vào mục đích mở rộng quyền chiếm đất cho bọn thực dân. Chẳng hạn như Nghị định ngày 9-11-1886 quy định mỗi người Pháp khi xin đất làm nghề nông chỉ có thể xin một lần từ 10 hecta trở xuống. Thế nhưng ở hai Nghị định ra ngày 6-10-1889 và 15-10-1890 thì họ được quyền xin và chính quyền địa phương được cấp mỗi lần 500 hecta. Ở Nam Kỳ, đến năm 1918, tư bản Pháp đã chiếm 184.700 hecta, trong đó chúng sử dụng 7.000 hecta để chuyên trồng cây cao su, cho ra sản lượng mủ thô 3.000 tấn tập trung ở ngoại ô Sài Gòn, tỉnh Thủ Dầu Một và Biên Hòa .

Đến 1945, diện tích cây cao su được trồng trên 140.000 hecta và 80.000 tấn sản lượng [21;50]. Quá trình chiếm đất cũng đồng thời là quá trình hình thành các đồn điền cao su. Ngành khai thác cao su của tư bản Pháp tại Việt Nam nói chung và Nam Kỳ nói riêng ra đời.

Các cây cao su phân phối cho các nhà trồng tỉa người Pháp thực nghiệm đã có tác dụng kích thích một số người Pháp xây dựng cơ sở trồng cao su trên vùng đất xám phía Bắc Sài Gòn. Trong số này nổi bật nhất là đồn điền của ông Belland, một viên thanh tra cảnh sát Trung ương ở Sài Gòn, lập ra đồn điền Phú Nhuận năm 1898. Qua nhiều lần ươm thử, đồn điền của ông đạt được 15.300 cây cao su đứng trên diện tích 45 hecta. Năm 1908, Ông bắt đầu cạo mủ với 5.000 cây, bình quân 8 tuổi, đạt 1.500 kg. Năm

1909 cạo 9.500 cây từ 7 đến 9 tuổi, đạt 3.000 kg. Năm 1910 ước tính đạt 6.000 kg với số cây cạo 10.500 cây. Năm 1911 có thể thu 10.000 kg. Đồn điền có xưởng chế biến riêng. Cao su khô được ép, cho vào thùng 100 kg và gửi bán tại thị trường Paris, dưới ký hiệu chất lượng là Parafin với giá khá cao, từ 13 đến 22,75 Francs 1 kg, giá thành sản xuất khoản 3 Francs và tiền chuyên chở khoản 1 Francs/ 1 kg[25;35].

Ở Suối Dầu (Nha Trang), Dr. A. Yersin báo tin năm 1904: “kết quả cạo mủ thử ở Suối Dầu rất đáng khích lệ: Các cây cao su cho mủ ngày càng nhiều; có thể sẽ đạt 250 gram mủ khô 1 cây, và đạt 100 kg mủ khô để bán được ít nhất 1.000 Francs[25;32].

Kết quả đạt được từ hai nơi thực nghiệm trên đã làm thỏa lòng những người trồng cao su, nhất là trồng cao su sẽ thu được lãi cao.

Thành công của hai ông Belland và Dr. A. Yersin cùng với lượng mủ kha khá từ đồn điền của họ đã tạo nên tiếng vang. Từ đó, bọn tư bản Pháp và chính quyền thực dân bắt đầu hiểu biết và chú tâm nhiều về cây cao su, đặc biệt là ở Nam Bộ. Cây cao su chính thức có mặt tại Việt Nam, với tư cách một loại cây nguyên liệu công nghiệp. Ở miền Bắc, chính phủ Pháp cũng lập ra một số nơi trồng cao su nhưng diện tích không lớn do thời tiết không thuận, cây cao su cho năng suất thấp.

Đầu tiên, Pháp ráo riết tiến hành thám sát những vùng đất mới màu mỡ bằng hình thức truyền giáo, mở trường dạy học, mang quân đến chiếm đất lập đồn binh. Đây là bước đầu chuẩn bị tổ chức bộ máy thống trị của chủ nghĩa thực dân đối với người dân địa phương, vừa tìm hiểu đời sống của người dân và nguồn lợi thiên nhiên để xúc tiến việc thực thi công cuộc khai thác thuộc địa ở vùng đất mới này.

Sau khi thâm nhập sâu vào vùng đất mới, vùng đồng bào dân tộc, thực dân Pháp tiếp tục lập thêm các đồn binh và tiến hành đàn áp, bắt dân về làm lao dịch, dùng mọi thủ đoạn từ lừa bịp đến dùng biện pháp vũ lực cướp đoạt trắng trợn đất đai, nương rẫy, và núi rừng, những vùng cư trú của đồng bào dân tộc để làm đồn điền hoặc lập ra các trại cu ly (colon) cho các đồn điền.

Trong 10 công ty chuyên canh cao su của thực dân Pháp, các thế lực và công tác khai thác đa phần tập trung vào các đồn điền lớn sau đây:

- **Công ty các đồn điền cao su Đông Dương** (Société Indochinoise Des Plantations d' Hévéas, gọi tắt là SIPH) được thành lập năm 1906, do viên quan người Pháp Emile Girard lãnh đạo và điều hành. Sau ngày thành lập, Công ty SIPH ráo riết triển khai chiến lược bành trướng của mình, bằng cách nhắm đến rồi thầu tóm, thôn tính, sáp nhập các đồn điền kế cận và các tiểu điền ít vốn. Các đồn điền Dầu Giây, Cam Tiêm, Ông Quế, An Lộc, Đồng Hạp, Bến Củi, Gallia, Suzannah, La Souchère, Helena, Bình Lộc, Cẩm Mỹ (đồn điền Courtenay), Trảng Bom, Cây Gáo, Hàng Gòn lần lượt chịu sự quản lý của SIPH. Do vậy công ty này đã lớn ngày càng lớn mạnh hơn. Số phu công tra ở công ty này chiêu mộ được từ 1914 đến 1945 là gần 350.000 người có đeo số phu. Số phu này SIPH chiêu dụ được là từ người dân tộc bản địa. Nhưng đa phần là phu được mộ từ Bắc Kỳ, Trung Kỳ (Quảng Bình, Thừa Thiên, Quảng Nam, Đà Nẵng). Họ là những người dân thường, người dân tộc bị mất đất, nghèo đói, đang sống lây lất không kế sinh nhai. Thời gian đầu khởi nghiệp, SIPH mộ phu đối với đàn ông có tuổi từ 18 đến 25. Về sau (năm 1930) SIPH lớn mạnh, nhân công thiếu hụt cộng thêm tiêu chí “chi ít, lợi nhiều” nên đàn ông, đàn bà, và cả trẻ em cũng được đưa vào đồn điền làm phu.

Đứng sau lưng SIPH là tập đoàn tài chính Đông Dương, như ngân hàng Đông Dương, Công ty Đông Dương kinh doanh Thương mại, Nông nghiệp, và Tài chính (viết tắt là SICAF), đóng vai trò như người “mẹ” nuôi những đứa “con” như SIPH, bằng cách tiêu

thụ sản phẩm, điều hòa tài chính, cung cấp tài chính, làm hậu thuẫn vững chắc cho SIPH.

Số vốn ban đầu SIPH đầu tư cho mình bằng 30.000.000 đồng Đông Dương với 5.500 ha cao su, để sau đó vốn tăng dần lên đến 60.000.000 đồng Đông Dương với diện tích 9.900 ha cao su ở Nam Bộ, từ đó thu về 10.000 tấn cao su khô mỗi năm, đạt một sản lượng tầm cỡ Đông Nam Á. Ngoài chiến lược tăng diện tích, thôn tính, sáp nhập các đồn điền lớn nhỏ quanh vùng, SIPH còn bước những bước đi vững chắc bằng cách lãnh đạo một chiến thuật là mềm dẻo, tranh thủ được các thế lực mạnh khác hỗ trợ, khéo léo xây dựng sự nhất trí, và bảo vệ quyền lợi người Pháp từ cấp trên đến cấp dưới, kiên nhẫn “tiến công”, “bành trướng” để đến 1973 diện tích trồng cao su đạt được là 18.000ha.

- **Công ty đồn điền đất đỏ** (Plantations des Terres Rouges, gọi tắt là Terres Rouges, hoặc là SPTR) thành lập năm 1908. Công ty này là sự hợp vốn của nhóm tư bản Rivaud (người Pháp) và Hallet (người Bỉ) được chính quyền Pháp hỗ trợ tài chính và trực tiếp quản lý. Trụ sở chính đặt ở Sài Gòn. Trung tâm điều hành đặt tại Quán Lợi. Sau khi thành lập, Terres Rouges liên tiếp lập ra các đồn điền lớn như: Xa Trạch (năm 1908) với 1.6135,5 ha, Xa Cam (năm 1913): 3.100,63 ha, Quán Lợi (năm 1916): 5.372,35 ha, Xa Cát và sau đó SPTR lớn dần ra nhiều nơi khác ở Biên Hòa (Long Thành), Bà Rịa, sang cả Campuchia (Bình Chánh, Ngọc Bích, Ca Rét, Sa Mua, riêng ở đồn điền Chúp có đến 24.000 ha) Java có 600 ha, Malaysia có 2.994 ha, Sumatra có 4.043 ha[25;110].

Vốn đầu tư ban đầu của SPTR là 2.300.000 Francs, gồm 23.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100 Francs. Năm 1923, vốn tăng đến 36.000.000 Francs. Năm 1925: 46.000.000 Francs. Năm 1935: 110.000.000 Francs. Công ty này ki ến lập riêng cho mình phòng thí nghiệm, phòng nghiên cứu chuyên canh và sản xuất cao su đặt tại Bàu Ông Yệm (Tỉnh Thủ Dầu Một). Với số vốn đầu tư tăng dần từng năm tạo cho SPTR một sản lượng cao su lớn, chiếm 35-40% sản lượng cao su toàn Đông Dương.

SPTR là công ty lớn nhất trong các công ty cao su có mặt tại Việt Nam. Để có đủ nhân công phục vụ cho sự lớn mạnh của công ty, phu cao su cũng được mộ vào đây từ nhiều nơi. Từ 1914 đến tháng 10 năm 1955 có 421.000 người “bán thân” cho SPTR.

- **Công ty cao su Viễn Đông** (Société des Caoutchoues d'extrême-orient), tên thường gọi là CEXO, ra đời năm 1911, là sự hợp nhất giữa công ty cao su Đông Dương (Société des Caoutchous de l'Indochine) và công ty cây trồng nhiệt đới Đông Dương (Société Indochine des Cultures Tropicales). Trụ sở đặt tại Paris. Chủ công ty là De Laland, người Pháp. Công ty này cũng lần lượt mở rộng địa phận lớn ra: Đồn điền cao su Lộc Ninh (gồm cả Bù Đốp) xây dựng năm 1911 với diện tích riêng ở đồn điền Bù Đốp là 810 ha. Năm 1925, mở ra thêm ở Xa Cát với diện tích 3.500 ha. Năm 1927, mở tiếp đồn điền Minh Thạnh, diện tích 3.534 ha và Đakia trên 10.000 ha. Đến 1929, với vốn liếng riêng của mình, CEXO đã xây dựng được con đường xe lửa nối liền Lộc Ninh với Sài Gòn dài 142 km, nhằm mục đích sử dụng đối với vùng cao su Bình Long và vùng biên giới Việt Nam-Campuchia.

Do ra đời sau SIPH 5 năm, và sau SPTR 3 năm nên CEXO kinh nghiệm hơn trong việc mộ phu. Phòng mộ phu được đặt ngay tại Thái Bình, Lạng Sơn, Hải Phòng ngay năm thành lập 1911. Những tri phủ, tri huyện tay sai thân Pháp đặc lực giúp Pháp trong việc tuyển phu. Năm 1925 đến năm 1954 CEXO mộ được 218.000 người[15;15].

Vốn đầu tư ban đầu của CEXO cũng khá lớn: 1.500.000 Francs, gồm 15.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100 Francs. Vốn cũng tăng dần từng năm, 1912: 4.500.000 Francs, 1917:

6.000.000 Francs, 1920: 8.000.000 Francs, 1934: 28.000.000 Francs[19;25].

- **Công ty các đồn điền cao su Michelin** (Société des Plantations et Pneumatiques Michelin au Vietnam) thành lập năm 1917, đặt trụ sở tại Dầu Tiếng. Chủ công ty này là De Lafon, có các đồn điền lớn: Dầu Tiếng (khoảng 7.000 ha, Phú Riềng và Thuận Lợi (khoảng 3.000 ha). Với số mũ cao su khai thác được ngay từ lúc đầu, De Lafon cho xây dựng nhà máy sản xuất tại chỗ sản lốp xe đạp và sản lốp xe hơi.

Những năm đầu mới thành lập, công ty Michelin sử dụng lao động nhàn rỗi trong nông dân, những người “bán công, bán nông”. Lực lượng này tuy đông nhưng thái độ và thời gian làm việc không ổn định. Vì họ là nông dân tại chỗ, những ngày giáp hạt, thiếu ăn họ vào đồn điền làm công, đến mùa vụ họ trở về với mảnh đất khu vườn của gia đình để sinh nhai.

Những năm sau thành lập, nhu cầu nhân công càng ngày càng tăng và cấp bách, nên Michelin tuyển phụ từ nơi khác đến. Để tránh tranh chấp với các công ty lớn mạnh khác, Michelin tìm nguồn nhân công từ Hà Nội, Bắc Giang, hoặc mua lại phụ của những công ty khác dư thừa. Do tập trung phụ từ nhiều nguồn, nên công tác quản lý phụ gặp khó khăn. Từ năm 1926 đến năm 1954, bọn chủ chiêu mộ được 260.000 người[17;12]. Để không cho phụ bỏ trốn hoặc bỏ giao kèo, bọn chủ quản lý phụ khác nghiệt. Công ty các đồn điền cao su Michelin nổi tiếng do thái độ đối xử vô nhân đạo với công nhân và là nơi xảy ra liên tục những cuộc đấu tranh của công nhân chống giới chủ. Sau cuộc đấu tranh lớn của tập thể công nhân đồn điền Phú Riềng ngày 3 tháng 2 năm 1930, công ty Michelin sáp nhập hai đồn điền Phú Riềng và Thuận Lợi, lấy tên là đồn điền Thuận lợi, hòng làm cho người ta quên vụ Phú Riềng, quên vụ việc của vùng cao su đẫm máu.

Đến năm 1943, Michelin chiếm 7% toàn bộ diện tích cao su khai thác và đảm bảo một sản lượng bằng 11% tổng sản lượng toàn Đông Dương.

- **Công ty cao su Đồng Nai** (Le Caoutchouc du Dona, gọi tắt là LCD) thành lập từ năm 1908, trụ sở chính ở Paris. Tiền thân của nó là Công ty kỹ nghệ và rừng Biên Hòa. Đối tượng kinh doanh của LCD là khai thác đồn điền cây cao su, cây có dầu và nứa ở Đông Dương. Số vốn ban đầu là 500.000 Francs gồm 5.000 cổ phần, mỗi cổ phần là 100 Francs. Năm 1911 vốn tăng 2.000.000 Francs, năm 1919 tăng lên 6.000.000 Francs[27;45]. Năm 1926, LCD bắt đầu khai thác cao su. Năm 1938 LCD khai thác được 904 tấn mủ, sang năm 1939 khai thác được 1.184 tấn, và tiếp tục mở rộng thêm đồn điền Trảng Bom, Cây Gáo, Túc Trưng. Phụ contra được chiêu mộ đến LCD lên tới hàng vạn người[15;12].

- **Công ty cao su Tây Ninh** hình thành từ 1908 do hai anh em Jousset và Deleurance de Bellesme trồng 27 ha cao su đầu tiên tại Vên Vên (Gò Dầu Hạ), sau đó có phát triển ra các đồn điền Trà Võ, Hiệp Thành, Cầu Khởi với tổng diện tích 2.600 ha. Công ty này hoạt động bằng đồng vốn tự có, không thuộc nhóm ngân hàng tài chính Pháp, không tìm cách và cũng không đủ sức thôn tính các đồn điền kế cận quanh vùng. Nhân công ở đây chủ yếu là lực lượng “bán công bán nông” trong vùng.

- **Sở cao su Phước Hòa** (Société des Caoutchoues de Phuoc Hoa) hay còn gọi là đồn điền Labbé (Plantation de Labbé) được nhóm tư bản Pháp thành lập và quản lý, đặt trụ sở ở Phước Hòa, Huyện Châu Thành, Tỉnh Thủ Dầu Một. Labbé bắt đầu khai thác từ năm 1927, với diện tích ngày càng mở rộng gần 2.000 ha đất cao su tính đến năm 1933 phủ trên vùng đất xám và một ít đất đỏ.

Ngoài ra còn có các sở cao su nhỏ của tư sản người Việt, người Hoa, người thân Pháp.

Trong tập thống kê năm 1931 của nghiệp đoàn các nhà trồng cao su Đông Dương có khoảng 60 chủ sở hữu cao su người Việt Nam có dưới 100 ha (gọi là tiểu điền) đất trồng cao su và có 12 sở có diện tích từ 100-499 ha trồng cao su (gọi là Trung Điền), chủ yếu là của các nhà chức trách có quyền thế hoặc thuộc những người thân Pháp có thế lực như quan tòa Đỗ Hữu Trí, nhà kinh doanh công nghiệp Trương Văn Bền, và các ông Lê Phát Tân, quan phủ Võ Hà Thanh, Đốc phủ sứ Đoàn Hữu Tùng, chủ sở kho bạc Thủ Dầu Một Nguyễn Văn Yên. Ngoài ra, các hộ nông dân gọi là tiểu điền (có từ 99 ha cao su trở xuống) cũng không nhiều. Đa phần họ là chủ nhân của mảnh đất mà ông cha đã khai hoang bằng sức lao động của gia đình hoặc của cả dòng họ để lại. Khả năng mở rộng diện tích các đồn điền thuộc sở hữu tư nhân người Việt bị hạn chế lớn nhất là về tài chính, họ không được ngân hàng cho vay vốn và cũng không được sự ủng hộ nào từ phía tài chính Pháp. Họ tự thân phát triển bằng đồng vốn của mình.

Hơn nữa, trong chiến tranh, vùng cao su là vùng kháng chiến của nhân dân ta vì vậy Pháp phá hủy bằng đạn, bom, cày ủi rất mạnh các vùng cao su riêng lẻ không thuộc các đồn điền lớn của các tập đoàn tài chính của chúng.

Mặt khác, vào những năm đầu của thế kỷ XX, việc tuyên truyền và giúp đỡ của nhà nước thuộc địa đối với vấn đề khuyến khích trồng cao su, hầu như không có gì. Giới chủ địa phương quen cách làm ăn chắc chắn là tậu ruộng, phát canh, thu tô, cho vay lấy lãi, mua lúa non ... Rất ít người nghĩ đến việc mở đồn điền trồng cao su, một kiểu làm ăn còn xa lạ đối với họ. Những nhà tư sản mới, người bản xứ thì cũng không có nhiều vốn, do lịch sử làm ăn với thực dân Pháp còn quá ngắn. Mặt khác vì là con cháu của địa chủ, sống và lớn lên nhờ tô tức, nên họ vẫn còn mang trong mình xu hướng của ông cha là hễ có tiền nhàn rỗi thì tậu ruộng, phát canh thu tô, chứ chưa dám bỏ tiền ra nhiều vào việc đầu tư trồng và khai thác cây cao su. Ngoài ra, vì là một nước thuộc địa nửa phong kiến nên đất đai trồng cao su do người Pháp trực tiếp chiếm đoạt và quản lý.

Thời kỳ trước chiến tranh thế giới lần thứ nhất, các công ty tư bản Pháp đầu tư vốn vào ngành kinh tế cao su ngày một tăng nhưng đa số cây cao su được trồng chỉ mới ở mức độ thử nghiệm nên diện tích trồng cao su chưa lớn và mức thu hoạch cao su chưa cao. Sau chiến tranh, Pháp và cả Châu Âu đều lâm cảnh thiếu thốn nguyên vật liệu phục vụ sản xuất nhằm phục hồi nền kinh tế đất nước.

Trong đó nhu cầu cao su thiên nhiên rất cao. Để bù đắp những tổn thất trong chiến tranh, Pháp ồ ạt tăng đầu tư vào các công ty cao su ở Việt Nam, và việc phát triển diện tích trồng và khai thác cao su được nâng lên thành chủ trương có tính chất "quốc sách". Chẳng hạn như SPTR có tổng số vốn đầu tư ban đầu đã nêu là 2.300.000 Francs, gồm 23.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100 Francs. Sau đó vốn càng tăng lên: năm 1923 vốn tăng 36.000.000 Francs, năm 1925: 46.000.000 Francs. Năm 1935: 110.000.000 Francs. CEXO với vốn ban đầu: 1.500.000 Francs, gồm 15.000 cổ phần, mỗi cổ phần 100 Francs. Vốn cũng tăng dần từng năm, 1912: 4.500.000 Francs, 1917: 6.000.000 Francs, 1920: 8.000.000 Francs, 1934: 28.000.000 Francs. Cùng với số vốn đầu tư ngày càng khổng lồ thì mức độ tập trung diện tích trồng cây cao su cũng rất lớn.

Bảng 1: Diện tích và sản lượng cao su ở miền Nam từ 1920-1945.

Năm	Diện tích (ha)	Sản lượng (tấn)
1920	70.007	3.000
1925	73.100	8.000
1930	80.000	14.000
1935	97.300	35.000
1940	104.100	58.000
1945	138.400	77.400

Nguồn: Tổng công ty Nam, Quá trình hình thành và phát triển ngành cao su Việt Nam, Tập san cao su Việt Nam, số 58,59-tháng 9,10-1997, tr.50,51 cao su Việt.

Món lời từ việc kinh doanh cao su mà tư bản thực dân Pháp gom được rất lớn, nhất là vào những năm trước chiến tranh thế giới lần thứ hai khi mà giá cao su trên thị trường thế giới tăng lên một cách đột ngột. Một điển hình là chỉ riêng Công ty cao su Xuân Lộc với số vốn năm 1937 là 360.000 đồng Đông Dương đã thu lãi được 4.193.000 Francs. Sang năm 1938, số lãi lên tới 8.838.000 Francs.

Sự phát triển nhanh chóng của ngành kinh tế cao su ở Đông Dương chủ yếu là ở Việt Nam, mà đặc biệt là Nam Kỳ đã đưa giá trị hàng cao su xuất khẩu chiếm tỷ trọng ngày càng lớn trong tổng giá trị hàng hóa xuất khẩu của Đông Dương: năm 1936 chiếm 14,3%, năm 1937: 18%, năm 1938: 21,4%, năm 1939 lên tới 27,4%[15;16]. Sự phát triển của ngành kinh tế cao su đã góp phần cho cán cân ngoại thương ở Việt Nam có sự thặng dư lớn. Lượng cao su xuất khẩu năm 1939 tăng gấp 7 lần năm 1928, giá trị xuất khẩu của ngành cao su năm 1929 là 11.000.000 Francs đến năm 1939 tăng lên 96.000.000 Francs[28;237].

Đồn điền cao su càng phát triển, nhu cầu về lao động càng trở nên cấp thiết. Để có nhiều nhân công, thực dân pháp không bỏ qua một thủ đoạn man rợ nào. Desrousseaux trong một báo cáo mật gửi Toàn quyền Đông Dương đã viết: “Người nông dân chỉ bằng lòng rời khỏi làng, làm việc khi nào họ bị đói. Do đó, phải đi đến kết luận lạ lùng là phương thuốc chữa cái khuẩn bách hiện tại (thiếu nhân công) là phải bản cùng hóa nông thôn, rút bỏ những khoản cấp phát, hạ giá nông sản ...”[19;23]. Nhưng tước đoạt ruộng đất và chính sách thuế khóa nặng đối với nông dân Bắc Kỳ chưa tàn bạo bằng việc phá đê nhằm dồn dân vào chỗ không còn kế sinh nhai. Mức độ tàn ác này đã được nhà sử học Trần Văn Giàu nêu lên trong tác phẩm “Giai cấp công nhân Việt Nam” khi trích dẫn lời của chính những nhà cai trị thực dân như sau:

-Viên công sứ Sơn Tây, trong một báo cáo mật đã ghi: “ Ở Vĩnh Yên, nhiều tầng lớp nhân dân uất ức vô cùng và thất vọng vì đã mất mùa liên tiếp mấy năm nay: nhiều người kêu ca việc chính phủ cắt đê năm 1896, dân họ đắp đê là để khỏi phải bị lũ lụt mà ta lại cắt đê, nên họ bất mãn, tôi đã báo cáo nhiều lần rồi”[9;204].

- Hay Bonafond trong quyển “Ba mươi năm ở Bắc Kỳ” đã viết: “Ồi! có một xứ nào trên

trái đất mà người ta lại như ở đây, nữ quyết định một cách dễ dàng, trong phút chốc, cho một xứ phải chìm dưới 2 thước nước suốt 5 tháng trường. Dân tộc nào, dù là dân tộc dã man nhất, dân tộc nào lại dám quyết định như vậy”[9;204].

Quá trình phát triển các đồn điền cao su gần như song hành với quá trình bóc lột sức lao động của người dân Việt. Chế độ lao động ở các đồn điền vừa mang tính chất cưỡng bức vừa bòn rút lao động thặng dư. Ở Công ty cao su đất đỏ, năm 1936, mỗi lao động của công nhân tạo ra từ 12.000 Francs – 13.000 Francs, nhưng bọn chủ chỉ trả lương và các chi phí khác khoảng 1.000 Francs.

Năm 1939, 19 công ty cao su Đông Dương thu được 309.000.000 Francs tiền lãi, trong khi đó tổng số tiền lương của công nhân trong 19 công ty không đến 40.000.000 Francs [15;81].

Tư bản cao su vì mục tiêu lợi nhuận đã áp dụng tối đa các biện pháp để triệt để bóc lột sức lao động của công nhân như: kéo dài ngày lao động, tăng cường độ lao động, sử dụng lao động trẻ em, trả tiền lương ít ... Thực trạng xã hội ở đây có sự phân hóa rõ ràng. Một bên là giới chủ đại diện cho lớp người giàu có, sống xa xỉ, nhưng lại khét tiếng tàn ác. Một bên là người lao động thật thà, sống bằng cách bán sức lao động, nhưng nghèo khổ bản hàn. Sản phẩm và lợi nhuận do người lao động làm ra đều đổ vào túi giới chủ và những tập đoàn tư bản lớn. Người lao động sống và làm việc khổ cực đến mức mà người ta quen gọi là những “mãnh đời nghiệt ngã”. Ách áp bức bóc lột của bọn tư bản đối với công nhân cao su Việt Nam trở thành bản cáo trạng lên án chế độ hà khắc, ác nghiệt ở các đồn điền cao su. Để sinh sống và tồn tại người công nhân cao su đã nổi dậy đấu tranh chống áp bức, bóc lột để giải phóng cho mình và cho cả dân tộc.

III. NHẬN XÉT VÀ KẾT LUẬN

Sau khi Charles Goodyear tìm ra phương pháp cao su lưu hóa, cao su chính thức phục vụ cho nhu cầu không thể thiếu của con người, bắt đầu từ áo, quần, giày, dép ... cho đến giữa thế kỷ XIX, cao su cất cánh với chiếc xe đạp và chiếc ô tô. Từ đó nó trở thành vật liệu quan trọng đứng hàng thứ tư trên thế giới, không thể thiếu được trong thế giới văn minh.

Khi Pháp tiến hành khai thác thuộc địa lần thứ nhất (bắt đầu từ năm 1897), cùng với việc nhân giống thành công ở vườn ươm Ông Yệm (Lai Khê, Bến Cát, Tỉnh Thủ Dầu Một), cây cao su chính thức có mặt ở Việt Nam. 13 năm sau (năm 1910) với những thành công đáng kể trong quá trình thử nghiệm, cây cao su trở thành loại cây nguyên liệu công nghiệp quan trọng.

Đi đôi với sự thành lập ồ ạt các đồn điền cao su tại Việt Nam, tập trung nhiều nhất và mạnh nhất ở vùng miền Đông Nam Bộ của tư bản thực dân Pháp, các thành phần kinh tế tư bản tư nhân bắt đầu thâm nhập và phát triển mạnh trong lĩnh vực kinh tế nông nghiệp. Ngành sản xuất và khai thác cao su hình thành và từng bước đóng vai trò kinh tế trọng yếu ở Nam Bộ nói riêng và cả nước nói chung dưới thời Pháp thuộc.

Cùng với lúa gạo, chè, cà phê..., cao su là một trong những mặt hàng nông sản chiến lược xuất khẩu lớn vào bất nhất từ xưa đến nay. Thời thuộc địa, hoạt động sản xuất, khai thác và xuất khẩu của ngành kinh tế cao su đã từng là nhân tố kích thích tốc độ phát triển của nền kinh tế công thương nghiệp Việt Nam, là động lực phát triển kinh tế xã hội cho toàn khu vực phía Nam Đông Dương.

Nguyễn Thị Mộng Tuyên

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1]. *Tổng kết cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp thắng lợi và bài học*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 1996.
- [2]. **Brenier (H)**: *Essai d'Atlas Statistiques de L'Indochine Francaise* I.D.E.O Hanoi 1914.
- [3]. **Nguyễn Khoa Chi – Hà Xuân Tư**, *Cây cao su kỹ thuật trồng khai thác và chế biến*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1985.
- [4]. *Chuyện về Phú Riêng đờ năm 1930*, Nguyễn Tùng ghi theo lời kể của Nguyễn Mạng Hồng, công nhân cao su, Tập san số 58-59 tháng 9-10/1997.
- [5]. **Trần Bạch Đằng**, *100 năm cao su Việt Nam*, Tập san cao su Việt Nam, Số 58-59, tháng 9-10-1997.
- [6]. **Hồ Sơn Đài**, *Đặc điểm phong trào công nhân cao su Thủ Dầu Một trong kháng chiến chống thực dân Pháp*, Tạp chí Lịch sử quân sự, số 4-1999.
- [7]. **Nguyễn Đình Đầu**, *Chế độ công điền công thổ trong lịch sử khẩn hoang lập ấp ở Nam kỳ lục tỉnh*, Nxb Trẻ Thành Phố Hồ Chí Minh, 7-1999.
- [8]. **Nguyễn Việt Đức**, *Thực tế khai thác cao su của người Pháp tại Bình Long*, Luận văn cao học Quốc gia hành chính Sài Gòn năm 1972, lưu tại phòng đọc hạn chế - Thư viện Khoa học tổng hợp thành phố Hồ Chí Minh, ký hiệu 0595.
- [9]. **Trần Văn Giàu**, *Giai cấp công nhân Việt Nam*, Nxb Sự thật, Hà Nội, 1979.
- [10]. **Lê Huỳnh Hoa**, *Cây cao su đặc sản của vùng Đông Nam Bộ*, Tạp chí Xưa và Nay, số 45B tháng 11-1997.
- [11]. **Trần Nguyên Khang, Thái Bá Trưng, Nguyễn Xuân Hiền**, *Cây cao su*, Nxb Khoa học Kỹ thuật, Hà Nội-1979.
- [12]. **Lê Văn Khoa**, *70 năm lịch sử công nhân cao su Dầu Tiếng*, Nxb Tổng hợp Sông Bé, 1990.
- [13]. *Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam*, tập 1, Ban nghiên cứu lịch sử Đảng Trung ương xuất bản, 1981.
- [14]. *Lịch sử Việt Nam*, tập 2, Nxb Khoa học xã hội, 1985.
- [15]. **Huỳnh Lúa** (chủ biên), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-1990)*, Nxb Trẻ, 1993.
- [16]. **Huỳnh Lúa** (chủ biên), *Lịch sử phong trào công nhân cao su Việt Nam (1906-2001)*, Nxb Trẻ, 2003.
- [17]. **Thành Nam**, *Phong trào đấu tranh cách mạng của công nhân cao su miền Đông Nam Bộ*, Nxb Lao động, Hà Nội, 1982.
- [18]. **Sĩ Ngộ**, *Một người phu công-tra xưa*, Tập san cao su Việt Nam, Số 58-59, tháng 9-10/1997.
- [19]. **Nguyễn Phong**, *Tư bản Pháp và vấn đề cao su ở Việt Nam*, Nxb Khoa học xã hội, Hà Nội 1963.
- [20]. **Vũ Huy Phúc**, *Sự hình thành người công nhân và đặc điểm lịch sử của giai cấp công nhân Việt Nam*, trong sách "Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt

Nam”, Nxb Lao động, Hà Nội, 1974.

[21]. *Quá trình hình thành và phát triển ngành cao su Việt Nam*, Tập san cao su Việt Nam, Số 58-59, tháng 9-10-1997.

[22]. **Dương Kinh Quốc**, *Tình hình công nhân Việt Nam từ cuối thế kỷ XIX đến chiến tranh thế giới lần thứ nhất*, trong sách “Một số vấn đề về lịch sử giai cấp công nhân Việt Nam”, Nxb Lao động, Hà Nội, 1974.

[23]. **Đặng Văn Vinh**, *Cao su thiên nhiên hôm qua hôm nay và ngày mai*, Tập san cao su Việt Nam, Số 58-59, tháng 9-10-1997.

[24]. **Đặng Văn Vinh**, *Cao su thiên nhiên thế giới*, NXB Nông nghiệp, Tp.HCM, 1997.

[25]. **Đặng Văn Vinh**, *100 năm cao su ở Việt Nam*, Nxb Nông Nghiệp, 2000.

[26]. **Yves Gras**, *Lịch sử cuộc chiến tranh Đông Dương*, Nxb Plon, Paris, 1979, bản dịch của Viện Lịch sử quân sự Việt Nam.

[27]. **Répertoire: Des Sociétés anonymes Indochinoises**, I.D.E.O Hanoi 1944.

[28]. **Robequain (CH): L'évolution économique de L'Indochine Française – Paris 1939.**

Nguồn : sugia.vn